

Bản án số: 06/2020/DS-ST  
Ngày 24 - 6 - 2020  
“*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Gấm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Kim Huynh

Ông Lê Văn Cao

**- Thư ký - phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Chí Thiện, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST- DS ngày 06/02/2020 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 (Thông báo dời phiên tòa số: 05/TB-TA ngày 08/6/2020) giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị P, sinh năm 1957 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 45B Quang Trung, khóm 3, phường 1, thành phố TV, tỉnh TV.

**- Bị đơn:** Bà Tăng Thị D, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 10, phường 9, thành phố TV, tỉnh TV.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Vương Trần Anh T, sinh năm 1980 (có mặt). Nơi cư trú: Số 45B Quang Trung, khóm 3, phường 1, thành phố TV, tỉnh TV.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:* Bà và bà Tăng Thị D là đồng nghiệp nên bà có cho bà D mượn tiền theo 03 biên nhận như sau: Ngày 26/03/2015 bà D có mượn của bà số tiền 69.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả; ngày 21/04/2015 bà D mượn tiếp số tiền

3.000.000đ, cũng không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả; ngày 18/04/2018 bà D tiếp tục mượn tiếp của bà là 5.000.000đ, cũng không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Tổng cộng số tiền bà D mượn của bà là 77.000.000đ. Đến đầu năm 2019 do bà cần tiền nên bà có yêu cầu bà D trả cho bà số tiền 77.000.000đ nhưng bà D chỉ hẹn bằng miệng mà không trả. Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tăng Thị D phải trả cho bà số tiền 77.000.000đ, bà P không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn bà Tăng Thị D trình bày:* Vào ngày 26/03/2015 bà có mượn bà P số tiền 69.000.000đ, ngày 21/4/2015 mượn 5.000.000đ, ngày 18/04/2018 bà có mượn thêm 3.000.000đ. Trong thời gian mượn bà vẫn đóng lãi đầy đủ, cho đến tháng 11/2017 bà không có khả năng trả nửa nên bà có đến thương lượng với bà P thì bà P đồng ý cho bà trả mỗi tháng 4.000.000đ. Bà bắt đầu trả từ tháng 11-2017 đến tháng 4/2019 bà không còn khả năng trả nửa nên ngưng lại. Tổng cộng số tiền đã trả cho bà P là 65.950.000đ. Trong đó, đưa tiền cho T con gái của bà P là 65.350.000đ là tiền vốn gốc vì bà P không tính lãi nữa; trả trực tiếp cho bà P 600.000đ. Đối với số tiền trả cho bà P thông qua T nhận thì bà D không yêu cầu T trả lại cho bà D, bà D chỉ yêu cầu được cắt trừ vào số tiền thiếu bà P. Nay, bà D chỉ còn thiếu bà P số tiền 11.050.000đ, bà D đồng ý trả số tiền này cho bà P.

*Chị Vương Trần Anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Chị là con bà P. Mẹ chị là bà Trần Thị P có nhờ chị đi đòi tiền từ bà D giùm mẹ chị. Chị T có đến Trường tiểu học LVT (nơi bà D công tác) để đòi tiền bà D thiếu mẹ chị T nhiều lần, thì bà D né tránh (trong khoảng thời gian từ 2017 đến hết năm 2018), có lần chị T gặp bà D, có lần không gặp bà D, có lần bà D trả, có lần bà D không trả. Lúc đó, chị T nói với bà D “... nếu bà không đưa tiền thì tôi đứng đây hoài chừng nào bà đưa tôi mới về” thì có lần bà D đưa cho chị T tiền nhưng mỗi lần đưa chỉ từ 150.000đ đến 200.000đ; có một lần đưa nhiều nhất là 500.000đ tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp đường Quang Trung và đưa một lần tại Phòng khám AT đường về CT là 400.000đ. Tổng cộng chị T đã nhận của bà D là 5.000.000đ. Còn việc bà D nói đã đưa cho chị T tổng cộng 65.350.000đ là không có.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh TV:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình

tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P. Buộc bà Tăng Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị P số tiền 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*). Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bà Tăng Thị D phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền 5.000.000đ bà P đã rút yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu bà Tăng Thị D phải trả cho bà P là 77.000.000đ, nên quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Tăng Thị D có nơi cư trú khóm 10, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh TV theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ vay tiền giữa bà Tăng Thị D với bà Trần Thị P là quan hệ vay tiền có làm biên nhận (gồm 03 biên nhận ngày 26/3/2015 là 69.000.000đ, ngày 21/4/2015 là 3.000.000đ, ngày 18/4/2018 là 5.000.000đ) tổng số tiền bà D mượn của bà P là 77.000.000đ. Theo bà P khai từ khi vay cho đến nay, bà D chỉ trả cho bà P thông qua chị T con bà P là 5.000.000đ. Còn bà D thì khai bà đã trả cho bà P tổng cộng là 65.950.000đ. Trong đó, trả trực tiếp cho bà P là 600.000đ, trả thông qua chị T con bà Phúc là 65.350.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà D có nhiều lời khai cho rằng bà đã trả cho bà P là 65.950.000đ. Trong đó, trả thông qua chị T con bà Phúc là 65.350.000đ, trả trực tiếp cho bà P là 600.000đ nhưng bà D không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tại Biên bản đối chất ngày 20/5/2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Vương Trần Anh T (con bà P) xác nhận nhiều lần chị T đến Trường tiểu học LVT (nơi bà D công tác) để đòi nợ cho bà P thì bà D cố tình né tránh, có khi thì gặp bà D, có khi thì không gặp; có khi thì bà D đưa tiền cho chị Thư, có khi thì không đưa tiền nhưng mỗi lần bà D đưa tiền cho chị Thư là từ 150.000đ – 200.000đ (trong đó, chỉ có một lần bà D đưa nhiều nhất là 500.000đ (*năm trăm ngàn đồng*) tại Ngân hàng Nông nghiệp đường Quang Trung và 01 lần 400.000đ tại Phòng khám AT đường về CT TV). Tổng cộng tiền bà D đưa cho chị T để trả bà P chỉ có 5.000.000đ mà thôi. Phía

bà D cho rằng đã trả bà P nhiều lần thông qua chị T là 65.350.000đ và trả trực tiếp cho bà P 600.000đ nhưng bà D không đưa ra được chứng cứ chứng minh trả vào thời gian nào, từng lần trả số tiền là bao nhiêu, trả tại đâu, có biên nhận của bà P hay chị T không, thì bà D không chứng minh được. Qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, có đủ căn cứ xác định bà Tăng Thị D có vay tiền của bà Trần Thị P bằng 03 biên nhận với tổng số tiền là 77.000.000đ nhưng bà D chỉ trả cho bà P thông qua chị Vương Trần Anh T nhiều lần là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Tại phiên tòa hôm nay, bà P đồng ý căn trừ số tiền 5.000.000đ mà bà D đã trả cho bà thông qua chị T, còn lại 72.000.000đ bà P yêu cầu bà D phải trả cho bà P.

Bà P xác nhận, việc bà nhờ chị T con bà đi gặp bà D đòi nợ, được bà D trả tổng cộng là 5.000.000đ và chị T đã giao lại cho bà xong và bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000đ, nên được Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền bà P rút yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D xác nhận bà đưa tiền cho chị T là trả cho bà P nên bà D không có yêu cầu gì đối với chị T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh TV là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy, bà D có mượn tiền của bà P và còn thiếu nợ bà Trần Thị P số tiền chưa trả là 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*) cần buộc bà Tăng Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị P số tiền 72.000.000đ. Bà P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bà Tăng Thị D phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 244; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

Buộc bà Tăng Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị P số tiền 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*). Bà P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 5.000.000đ bà Trần Thị P đã rút yêu cầu.

Bà Trần Thị P, bà Tăng Thị D không có yêu cầu gì đối với chị Vương Trần Anh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Tăng Thị D phải có nghĩa vụ nộp 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Trần Thị P, bà Tăng Thị D, chị Vương Trần Anh T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*\* Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Gấm**